THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 852/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 10 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Chiến lược phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020;

Xét đề nghị của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Văn bản số 103/TTr-NHCS ngày 21 tháng 7 năm 2011, Văn bản số 38/BC-NHCS ngày 13 tháng 01 năm 2012 và Văn bản số 1878/BC-NHCS ngày 24 tháng 5 năm 2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội giai đoạn 2011 - 2020 với những nội dung sau:

1. Tín dụng chính sách xã hội là giải pháp để thực hiện mục tiêu giảm nghèo một cách cơ bản và bền vững, vì vậy cần tổ chức, triển khai thực hiện tích cực và hiệu quả chính sách này.

2. Nâng cao năng lực hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội để thực sự là công cụ thực hiện có hiệu quả tín dụng chính sách của Nhà nước về hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần thực hiện thành công Chiến lược Phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Chương trình giảm nghèo bền vững đến năm 2020 và Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020.

3. Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến tín dụng chính sách xã hội được ban hành thống nhất và bố trí đủ nguồn lực để thực hiện.

4. Mục tiêu tổng quát

Phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội theo hướng ổn định, bền vững, đủ năng lực để thực hiện tốt tín dụng chính sách xã hội của Nhà nước; gắn liền với việc phát triển các sản phẩm dịch vụ hỗ trợ có hiệu quả hơn cho người nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác.

5. Mục tiêu cụ thể

a) 100% người nghèo và các đối tượng chính sách khác có nhu cầu và đủ điều kiện đều được tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ do Ngân hàng Chính sách xã hội cung cấp.

b) Dư nợ tăng trưởng bình quân hàng năm khoảng 10%.

c) Tỷ lệ nợ quá hạn dưới 3%/tổng dư nợ.

d) Đơn giản hóa thủ tục và tiêu chuẩn hóa quy trình nghiệp vụ.

đ) Đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ.

e) Hiện đại hóa các hoạt động nghiệp vụ, hội nhập với hệ thống ngân hàng trong khu vực và trên thế giới.

g) Hoàn thiện, phát huy hiệu lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát và phân tích, cảnh báo rủi ro.

h) Phối hợp, lồng ghép có hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách xã hội với hoạt động hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhằm mục tiêu giảm nghèo nhanh và bền vững, bảo đảm an sinh xã hội.

6. Định hướng hoạt động

a) Đối tượng phục vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội là người nghèo, các đối tượng chính sách khác theo quy định của Nhà nước và các đối tượng được các tổ chức, cá nhân ủy thác cho Ngân hàng Chính sách xã hội trực tiếp cho vay. Ưu tiên hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở các vùng khó khăn.

b) Tiếp tục triển khai và nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ; đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại, đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ ngân hàng như: Tiết kiệm; thanh toán; chuyển tiền...

c) Về cơ chế tài chính

- Nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội chủ yếu do Nhà nước cấp, do Ngân hàng Chính sách xã hội huy động và nhận ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo phương châm "Nhà nước, doanh nghiệp và nhân dân cùng làm", bao gồm:

+ Vốn Nhà nước cấp dưới các hình thức: Vốn điều lệ được bổ sung hàng năm tương ứng với tỷ lệ tăng trưởng tín dụng được Thủ tướng Chính phủ giao và vốn cho vay trong các chương trình mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm và thực hiện các chính sách xã hội khác. Ưu tiên cho Ngân hàng Chính sách xã hội được vay hoặc tạm ứng từ các nguồn vốn nhàn rỗi, lãi suất thấp hoặc không lãi trên cơ sở cân đối các nguồn vốn từ ngân sách, nguồn vốn ODA, nguồn viện trợ, hoặc các nguồn vốn giá rẻ khác, đảm bảo cho Ngân hàng Chính sách xã hội hoạt động chủ động, ổn định.

+ Vốn huy động từ tiền gửi và tiền vay của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

+ Vốn nhận ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

+ Tiền tặng, cho của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế ưu đãi về lãi suất phù hợp với khả năng tài chính của Nhà nước và của đối tượng vay vốn trong từng thời kỳ. Mức độ ưu đãi về lãi suất phân biệt theo các nhóm đối tượng thụ hưởng, sẽ giảm dần và được thay thế bằng các hình thức ưu đãi về qui trình, thủ tục và điều kiện vay vốn. Mức ưu đãi cao nhất dành cho hộ đồng bào dân tộc nghèo ở vùng đặc biệt khó khăn. Đối với hộ không thuộc diện hộ nghèo nhưng được hưởng một số chính sách tín dụng ưu đãi, hộ cận nghèo thì lãi suất tiếp cận dần với lãi suất thị trường.

- Rủi ro do nguyên nhân khách quan được xử lý theo quy định của Nhà nước. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, xây dựng quy trình xử lý rủi ro phù hợp với đặc thù hoạt động.

- Hoàn thiện cơ chế khoán tài chính ổn định trong từng giai đoạn, có cơ chế cấp bù thích hợp để phát huy tính chủ động và đảm bảo khả năng đánh giá hiệu quả hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội; bảo đảm đủ bù đắp chi phí hoạt

động theo chế độ quy định; bảo đảm quyền lợi cho cán bộ, viên chức và người lao động yên tâm gắn bó với ngành.

d) Về công tác quản trị ngân hàng

- Hoàn thiện mô hình tổ chức, quản lý, điều hành ở 3 cấp: Trung ương, cấp tỉnh và cấp huyện theo hướng tập trung sự quản lý thống nhất ở Trung ương, tinh giản các khâu trung gian và tăng cường hoạt động tại các điểm giao dịch lưu động ở xã, phường.

- Củng cố tổ chức, nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban đại diện Hội đồng quản trị các cấp.

- Nâng cao hiệu quả phương thức ủy thác tín dụng thông qua các tổ chức chính trị - xã hội với sự tham gia chỉ đạo, giám sát của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp, tăng cường vai trò của chính quyền cấp xã.

- Xây dựng hệ thống kiểm tra, giám sát phù hợp với mô hình hoạt động đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội. Hình thành hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ độc lập, thống nhất về tổ chức và hoạt động. Phối hợp chặt chẽ giữa Ban Kiểm soát với hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

đ) Về phát triển nguồn nhân lực

- Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ của Ngân hàng Chính sách xã hội, nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, tốt về đạo đức nghề nghiệp.

Tiêu chuẩn hóa viên chức chuyên môn nghiệp vụ trên cơ sở quy định của Nhà nước có tính đến đặc thù của Ngân hàng Chính sách xã hội, đảm bảo phù hợp với điều kiện và môi trường hoạt động chủ yếu ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Có chế độ ưu tiên trong công tác tuyển dụng cán bộ là người dân tộc thiểu số; đồng thời, có chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm thu hút cán bộ đến làm việc tại các vùng khó khăn, đặc biệt là các huyện nghèo.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ làm ủy thác, cán bộ Tổ tiết kiệm và vay vốn có kiến thức cơ bản về: Quản lý tín dụng; kiểm tra, giám sát; phát hiện, phòng ngừa rủi ro; tư vấn, hướng dẫn sử dụng vốn hiệu quả cho người nghèo và các đối tượng chính sách.

e) Về hiện đại hóa hoạt động

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào các nghiệp vụ của Ngân hàng Chính sách xã hội cho phù hợp với phương thức hoạt động.

- Tổ chức tốt việc thu thập, xử lý, lưu trữ thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

7. Giải pháp thực hiện

a) Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định của pháp luật về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Củng cố, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy tổ chức, cán bộ của Ngân hàng Chính sách xã hội. Hoàn thiện mô hình tổ chức, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của cấp ủy, chính quyền địa phương các cấp và của các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện tín dụng chính sách xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng chính sách và chất lượng dịch vụ ủy thác.

d) Củng cố tổ chức Tổ tiết kiệm và vay vốn, bảo đảm hài hòa giữa việc tổ chức Tổ tiết kiệm và vay vốn theo tổ chức Hội và theo địa bàn dân cư, tạo thuận lợi cho hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội.

đ) Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội; cơ chế khoán tài chính, khoán quỹ lương đến các đơn vị cơ sở và người lao động; cơ chế phân phối tiền lương, thưởng, phúc lợi đối với cán bộ, viên chức phù hợp với điều kiện tài chính và hoạt động của ngân hàng.

e) Hoàn thiện cơ chế quản lý và xử lý nợ bị rủi ro trên cơ sở xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ khi đến hạn, quá hạn; nghiên cứu, xây dựng cơ chế nhận biết, cảnh báo sớm và phương án xử lý đối với từng loại hình rủi ro; phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng phù hợp với đặc thù hoạt động.

g) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội nhận dịch vụ ủy thác, các Tổ tiết kiệm và vay vốn, Ngân hàng Chính sách xã hội và quá trình sử dụng vốn của người vay.

h) Đẩy mạnh phát triển cơ sở vật chất, công nghệ thông tin. Tranh thủ nguồn lực từ Trung ương và địa phương để đầu tư, nâng cấp, ổn định trụ sở ngân hàng

các cấp, kho tàng, phương tiện vận tải, trang thiết bị làm việc, đặc biệt là trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của các Tổ giao dịch lưu động và các điểm giao dịch xã. Tập trung nguồn lực tài chính, nhân sự đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án Hiện đại hóa công nghệ thông tin của Ngân hàng Chính sách xã hội.

i) Phát huy sự tương trợ lẫn nhau của người vay vốn, đặc biệt là thành viên các Tổ tiết kiệm và vay vốn thông qua việc giúp đỡ nhau sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

k) Tăng cường tuyên truyền, mở rộng hợp tác quốc tế nhằm học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm với các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước trong khu vực về quản lý tín dụng nhỏ cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác. Tranh thủ khai thác các nguồn vốn, nguồn tài trợ kỹ thuật của các tổ chức quốc tế để bổ sung nguồn vốn cho vay và đào tạo, nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ Ngân hàng Chính sách xã hội, cán bộ tổ chức Hội nhận dịch vụ ủy thác, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Bộ, ngành, chính quyền các địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội và các đơn vị, tổ chức có liên quan có trách nhiệm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong quá trình triển khai thực hiện Chiến lược.

2. Các Bộ, ngành được phân công quản lý các chương trình hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung các văn bản có liên quan đến hoạt động tín dụng chính sách xã hội phù hợp với Chiến lược này.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo thẩm quyền đối với hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

b) Hỗ trợ Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc huy động vốn, vay tái cấp vốn và chỉ đạo các tổ chức tín dụng Nhà nước (bao gồm các tổ chức tín dụng Nhà nước đã thực hiện cổ phần hoá và Nhà nước giữ cổ phần chi phối) thực hiện duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định.

4. Bộ Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác cho phù hợp.

b) Bố trí đủ nguồn lực, bảo đảm cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện có hiệu quả chính sách tín dụng của Nhà nước đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định kế hoạch tín dụng hàng năm và 05 năm do Ngân hàng Chính sách xã hội lập, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

d) Đề xuất hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính bảo đảm cho Ngân hàng Chính sách xã hội hoạt động ổn định, bền vững; trình Thủ tướng Chính phủ giao định mức chi phí quản lý ổn định cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ; thực hiện cấp bổ sung vốn điều lệ và cấp bù chênh lệch lãi suất đối với Ngân hàng Chính sách xã hội trên cơ sở dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính:

a) Tổng hợp kế hoạch tín dụng hàng năm và 05 năm do Ngân hàng Chính sách xã hội lập, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 05 năm.

b) Bố trí dự toán vốn cấp cho các chương trình tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý, bổ sung vốn điều lệ cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

a) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình ban hành chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

b) Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp trong việc điều tra, rà soát, bổ sung kịp thời danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách để làm căn cứ cho việc triển khai các chương trình tín dụng chính sách xã hội.

c) Chủ trì rà soát các chính sách về hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội có liên quan đến chính sách tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do các Bộ, ngành xây dựng nhằm đảm bảo tính thống nhất về đối tượng thụ

hưởng, về nguồn vốn để thực hiện chương trình, tránh chồng chéo, trùng lắp, phân tán nguồn lực làm giảm hiệu quả chính sách.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong việc bảo đảm Ngân hàng Chính sách xã hội có cơ chế tiền lương phù hợp, ổn định nhằm động viên cán bộ, viên chức và người lao động yên tâm công tác, gắn bó với ngành.

7. Ủy ban Dân tộc xây dựng, trình ban hành các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi; nhóm dân tộc ít người, người dân ở các địa bàn đặc biệt khó khăn.

8. Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Huy động nguồn lực và chỉ đạo thực hiện các chương trình, dự án liên quan đến tín dụng dành cho mục tiêu xóa đói, giảm nghèo và an sinh xã hội tại địa phương. Hàng năm, trích từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách địa phương để bổ sung nguồn vốn cho vay trên địa bàn theo các cơ chế, chính sách ưu đãi của địa phương.

b) Tổ chức điều tra và quản lý chặt chẽ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác. Chủ động điều chỉnh, bổ sung kịp thời danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và đối tượng chính sách khác để có căn cứ xác nhận đối tượng vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội.

c) Chỉ đạo lồng ghép có hiệu quả các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và xoá đói giảm nghèo trên địa bàn. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc quản lý, thực hiện các chương trình tín dụng chính sách xã hội và hoạt động của Ngân hàng Chính sách xã hội.

d) Nâng cao trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc: Triển khai thực hiện chính sách tín dụng xã hội trên địa bàn; kiện toàn Ban giảm nghèo nhằm nâng cao chất lượng hoạt động, thực hiện tốt việc tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp quản lý, phê duyệt danh sách hộ nghèo và đối tượng chính sách vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội; chỉ đạo Trưởng thôn, ấp, bản, tổ dân phố phối hợp cùng Ngân hàng Chính sách xã hội, các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ tiết kiệm và vay vốn quản lý chặt chẽ vốn tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn; theo dõi, giúp đỡ người vay vốn sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả; đôn đốc người

vay trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ, đúng hạn; tích cực tham gia xử lý các khoản nợ quá hạn, nợ xấu.

đ) Nghiên cứu, đề xuất tham mưu với các cấp có thẩm quyền thực thi chính sách tín dụng xã hội một cách hiệu quả, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu của người dân địa phương.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội:

a) Làm tốt công tác tuyên truyền và tham gia thực hiện tốt các chính sách tín dụng hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội.

b) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan có thẩm quyền tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án sản xuất kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, ngành nghề, các chương trình chuyển giao công nghệ, khuyến công, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, định hướng thị trường với việc triển khai tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn.

c) Tăng cường kiểm tra, giám sát, nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới và Tổ tiết kiệm và vay vốn trong việc thực hiện dịch vụ ủy thác với Ngân hàng Chính sách xã hội. Chỉ đạo làm tốt việc bình xét đối tượng vay vốn, quản lý và hướng dẫn người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả nợ, trả lãi ngân hàng đầy đủ, đúng hạn.

d) Chủ động đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm dịch vụ ủy thác, Ban quản lý Tổ tiết kiệm và vay vốn thông qua hình thức tự đào tạo hoặc thực hiện chương trình hợp tác đào tạo với Ngân hàng Chính sách xã hội.

10. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Cụ thể hóa các nội dung Chiến lược vào chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm, 05 năm và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

b) Ban hành các văn bản cụ thể hóa quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chiến lược trong từng lĩnh vực, bảo đảm thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

c) Chủ động phối hợp với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất việc triển khai các giải pháp thực hiện Chiến lược và các biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

d) Định kỳ sơ kết, đánh giá, báo cáo cấp có thẩm quyền về tình hình và kết quả thực hiện Chiến lược. Tổng kết việc thực hiện Chiến lược vào cuối năm 2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng